

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST

Ngày: 30/8/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Quang Sơn và bà Vũ Thị Nữ
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 03 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-DS ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh B, sinh năm: 1973 (có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quang T, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1973 (có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bà Trần Thị Thu D, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Thanh B trình bày:

Ngày 14/6/2017 ông Trần Quang T có mua phân bón của bà và còn nợ số tiền là 5.700.000đồng; đến ngày 11/10/2017 ông T vay số tiền là 24.000.000đồng, tổng cộng số tiền mà ông T còn nợ là 29.700.000đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán nhưng ông T cứ hẹn hết lần này đến lần khác nhưng cũng không thanh toán cho bà. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà D phải thanh toán cho bà số tiền gốc là 29.700.000đồng và 7.000.000đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, bà không yêu cầu thanh toán lãi suất mà chỉ yêu cầu ông T, bà D phải thanh toán tiền gốc.

Ông Huỳnh Văn C thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà B, buộc vợ chồng ông T thanh toán số tiền gốc là 29.700.000đồng.

Ông Trần Quang T và bà Trần Thị Thu D đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận, công khai, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông T, bà D không có mặt nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa thấy rằng tại giấy xác nhận nợ, ông T có vay của bà B số tiền 24.000.000đồng và 5.700.000đồng tiền mua phân bón. Vì vậy, yêu cầu của bà B là có cơ sở.

Đôi với yêu cầu về lãi suất thì tại phiên tòa, bà B, ông Cường không yêu cầu về lãi suất là phù hợp theo quy định nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Đối với yêu cầu của vợ chồng bà B, buộc ông T và bà D phải có trách nhiệm trả nợ chung thấy rằng, tại phiên tòa bà B trình bày mặc dù tại giấy xác nhận nợ thì một mình ông T ký, không có chữ ký của bà D, tuy nhiên theo lời trình bày của nguyên đơn thì bà D là người nhận tiền. Hơn nữa, việc mua phân bón là để phục vụ sản xuất nông nghiệp làm kinh tế cho gia đình và tại thời điểm vay tiền thì ông T và bà D đang là vợ chồng nên phải có trách nhiệm chung đối với các quan hệ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Nay bà B yêu cầu ông T, bà D có trách nhiệm chung trong việc thanh toán số tiền 29.700.000đồng là có cơ sở, đề nghị HĐXX buộc ông Trần Quang T và Trần Thị Thu D phải thanh toán cho bà Phan Thị Thanh B và ông Huỳnh Văn C số tiền 29.700.000đồng. Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án: HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp hợp vay tài sản được quy định tại Điều 463 và hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Quang T và bà Trần Thị Thu D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì năm 2017, ông T có mua phân bón của bà B nhiều lần. Tính đến ngày 14/6/2017 thì ông T còn thiếu nợ số tiền là 5.700.000đồng. Đến ngày 11/10/2017, ông T vay thêm số tiền là 24.000.000đồng, tổng số tiền mà ông T còn nợ của bà B là 29.700.000đồng, nhưng khi vợ chồng bà B yêu cầu ông T thanh toán số tiền trên thì ông T không thanh toán, nay bà yêu cầu ông T, bà D thanh toán số tiền gốc là 29.700.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà D không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án và cũng không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn thấy rằng: Tại giấy xác nhận nợ thể hiện ông T có vay của bà B số tiền là 24.000.000đ và nợ 5.700.000đồng tiền mua phân bón, đây là chứng cứ hợp pháp và là căn cứ để xác định việc vay mượn tiền cũng như việc mua bán của các bên. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2]. Đối với yêu cầu về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B, ông Cường yêu cầu ông T, bà D phải trả 7.000.000đồng tiền lãi nhưng tại phiên tòa, bà B, ông Cường không yêu cầu về tiền lãi. Việc rút yêu cầu về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của luật nên cần chấp nhận, do vậy HĐXX không xem xét về lãi suất.

[3]. Đối với việc yêu cầu ông T và bà D phải có trách nhiệm chung trong việc thanh toán nợ: HĐXX thấy rằng, tại giấy xác nhận nợ thì chỉ một mình ông T ký, tuy nhiên theo lời trình bày của nguyên đơn thì khi nhận tiền ông T và bà D đều có mặt và bà D là người nhận tiền. HĐXX xác định việc mua phân bón là để trồng trọt phục vụ chung cho gia đình, còn đối với khoản vay thì tại thời điểm vay tiền ông T và bà D đang là vợ chồng và không ai chứng minh việc vay mượn để sử dụng vào mục đích riêng, hơn nữa khi nhận tiền thì bà D là người nhận tiền nên vợ chồng phải có trách nhiệm chung đối với các quan hệ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ cho, ông T bà D nhưng ông T, bà D không có mặt để đưa ra các tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông T, bà D vắng mặt là từ bỏ quyền tham gia tố tụng và chứng minh, do đó lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân là có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 BLTTDS; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh B.

Buộc ông Trần Quang T và bà Trần Thị Thu D phải thanh toán cho bà Phan Thị Thanh B và ông Huỳnh Văn C số tiền gốc là 29.700.000đ (*Hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí:

- Buộc ông Trần Quang T và bà Trần Thị Thu D phải chịu 1.485.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phan Thị Thanh B và ông Huỳnh Văn C 917.500đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0024689 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

5/ Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- THA dân sự huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Dũng